

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trung

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1988; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Kim N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K cưới nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre vào năm 2011. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ với nhau do bất đồng trong cuộc sống. Từ năm 2016, thì chị và anh K ly thân với nhau, từ khi ly thân đến nay chị và anh K không hàn gắn lại được với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn lại được và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh K, vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: có 01 con chung, tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 15/8/2008. Hiện đang sống với anh K, khi ly hôn chị đồng ý để anh K được quyền trực tiếp nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh và chị Nguyễn Kim N cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ anh có tình cảm với người đàn ông khác. Anh và chị N chỉ ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 15/8/2008. Hiện cháu Anh đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim N về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn K. Giao cho anh K quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 15/8/2008, ghi nhận anh K tự nguyện

không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Kim N và anh Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh K là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Kim N và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre vào năm 2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh K phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương đã thể hiện chị N và anh K có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Mặc dù, chị N và anh K khai không thống nhất với nhau về thời gian mâu thuẫn và ly thân nhưng đã thể hiện anh chị có mâu thuẫn với nhau và hiện tại anh chị đang sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, hai bên cũng không tìm ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh K cũng đồng ý ly hôn với chị N. Qua đó thấy rằng, tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Nguyễn Kim N yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Chị N và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 15/8/2008, từ khi ly thân đến nay cháu Huỳnh Anh do anh K nuôi dưỡng, chị N cũng đồng ý để anh K tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Anh và tại biên bản lấy ý kiến ngày 22/6/2020 cháu Huỳnh A cũng có nguyện vọng sống với anh K. Do đó, giao cho anh K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Huỳnh A phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K tự nguyện không yêu cầu chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn chị Nguyễn Kim N phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 15/8/2008 cho anh Nguyễn Văn K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000055 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Kim N đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh